

Số: 1230 /TB-ĐHNN

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2022

## THÔNG BÁO

### Lịch thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên và học viên sau đại học thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, năm học 2022-2023

Căn cứ Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/12/2014 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/12/2014 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/11/2017 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 297/HD-ĐHQGHN ngày 03/02/2017 của Đại học Quốc gia Hà Nội về tổ chức đào tạo các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung trong chương đào tạo đại học, thạc sĩ tại ĐHQGHN;

Căn cứ Công văn số 5545/BGDĐT-QLCL ngày 06/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức thi ĐGNLNN theo các định dạng đề thi ĐGNLNN theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 303/ĐHQGHN-KHTC ngày 11/02/2022 của Đại học Quốc gia Hà Nội ý kiến về mức thu lệ phí và cấp chứng chỉ thi ĐGNLNN của Trường Đại học Ngoại ngữ;

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) thông báo lịch thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ (ĐGNLNN) đối với sinh viên và học viên sau đại học trong ĐHQGHN năm học 2022-2023, như sau:

#### 1. Lịch thi và thời hạn đăng ký dự thi

TT	Lịch thi	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Định dạng đề thi	Thời hạn nộp hồ sơ và lệ phí thi
01	05 và 06/11/2022	Tiếng Anh	VSTEP.3-5	17/10/2022- 21/10/2022
		Tiếng Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật, Hàn, Ả Rập, Thái, Lào	ĐGNLNN	
02	07 và 08/01/2023	Tiếng Anh	VSTEP.3-5	19/12/2022- 21/12/2022
03	11 và 12/3/2023	Tiếng Anh	VSTEP.3-5	13/02/2023- 17/02/2023
		Tiếng Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật, Hàn, Ả Rập, Thái, Lào	ĐGNLNN	
04	13 và 14/5/2023	Tiếng Anh	VSTEP.3-5	17/4/2023- 21/4/2023
		Tiếng Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật, Hàn, Ả Rập, Thái, Lào	ĐGNLNN	
05	15 và 16/7/2023	Tiếng Anh	VSTEP.3-5	26/6/2023- 28/6/2023

\* Bài thi Nói được bố trí theo các ca thi khác nhau vào chiều thứ Bảy hoặc Chủ nhật liền kề.

Nhà trường không tổ chức thi ĐGNLNN, nếu số lượng đăng ký dự thi dưới 10 thí sinh/ngoại ngữ.

## **2. Đối tượng dự thi**

- Sinh viên của các đơn vị đào tạo thuộc ĐHQGHN (trừ Trường ĐH Ngoại ngữ)
- Học viên Sau đại học của các đơn vị đào tạo thuộc ĐHQGHN.

## **3. Lệ phí dự thi**

**3.1.** Sinh viên thuộc ĐHQGHN (trừ Trường ĐHNN): 1.200.000 VNĐ (đã bao gồm lệ phí cấp chứng chỉ).

**3.2.** Đối với học viên SDH thuộc ĐHQGHN có học lớp ngoại ngữ cơ bản do Trường ĐHNN tổ chức giảng dạy:

- Miễn lệ phí thi lần 1.
- Học viên SDH (trừ Trường ĐHNN) thi từ lần 2: 1.200.000VNĐ
- Học viên SDH Trường ĐHNN thi từ lần 2: 600.000VNĐ

**3.3.** Đối với học viên SDH thuộc ĐHQGHN không học các lớp ngoại ngữ cơ bản do Trường ĐHNN tổ chức giảng dạy: 1.200.000 VNĐ (đã bao gồm lệ phí cấp chứng chỉ)

## **4. Hồ sơ đăng ký dự thi**

- Phiếu đăng ký dự thi có dán ảnh 4cm × 6cm (*Phụ lục 2*).
- 02 ảnh cỡ 4cm × 6cm được chụp không quá 06 tháng trước ngày đăng ký dự thi, mặt sau của ảnh ghi rõ họ và tên, ngày sinh;
- 01 bản sao công chứng một trong những loại giấy tờ tùy thân còn hiệu lực mà thí sinh sẽ sử dụng trong kỳ thi: chứng minh nhân dân, hộ chiếu, thẻ căn cước công dân;
- 01 bản photo thẻ sinh viên/học viên sau đại học. Trường hợp mất hoặc đã hết hạn thẻ sinh viên/học viên, cần có đơn vị đào tạo ký và đóng dấu xác nhận.

*\* Ghi chú: Thí sinh mang theo bản gốc giấy tờ tùy thân và thẻ sinh viên/học viên để đối chiếu khi nộp hồ sơ dự thi.*

## **5. Hình thức nộp hồ sơ và lệ phí thi:**

Nộp trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua bưu điện.

### **5.1. Nộp trực tiếp**

**5.1.1. Đối với sinh viên thuộc ĐHQGHN (trừ Trường ĐHNN) và học viên không học hoặc có học các học phần ngoại ngữ do Trường ĐHNN tổ chức giảng dạy nhưng thi từ lần 2**

Nộp hồ sơ như Mục 4 và lệ phí thi tại Trung tâm Khảo thí, Phòng 106- Nhà A4-Trường Trường Đại học Ngoại ngữ.

**5.1.2. Đối với học viên học lớp tiếng Anh cơ bản do Trường ĐHNN tổ chức giảng dạy tham gia thi lần đầu**

Nộp hồ sơ như Mục 4 và lệ phí thi tại Văn phòng Khoa Tiếng Anh – Tầng 5, Phòng 517- Nhà B2-Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN.

**5.1.3. Đối với học viên học lớp tiếng Nga, Pháp, Trung cơ bản do Trường ĐHNN tổ chức giảng dạy**

Nộp hồ sơ như Mục 4 và lệ phí thi tại Văn phòng Khoa Sau đại học – Tầng 1, Nhà A3- Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN.

### **5.2. Nộp hồ sơ qua đường bưu điện**

**BƯỚC 1:** Chuyển khoản lệ phí dự thi vào số tài khoản **1507201059468** - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Cầu Giấy; tên tài

khoản: **Trường Đại học Ngoại ngữ – ĐHQGHN**; Nội dung: **Họ tên\_Ngày sinh\_Ngoại ngữ\_Trình độ\_Ngày thi\_Số điện thoại**

VD: Nguyen Van Minh 12.10.2001 Anh B3 thi 5.11.2022 DT0913xxx888

**BUỚC 2:** Gửi Hồ sơ đăng ký dự thi (Mục 4) và minh chứng chuyên khoản đến địa chỉ như Mục 5.1 (theo đối tượng).

## **6. Thủ tục rút hồ sơ**

- Sau thời điểm hết hạn thu hồ sơ đăng ký dự thi, thí sinh rút hồ sơ cần xuất trình giấy tờ tùy thân (bản gốc), cuống phiếu thu hồ sơ và lệ phí dự thi tại địa điểm đăng ký thi.
- Trước kỳ thi 06 ngày làm việc, thí sinh được hoàn trả 50% lệ phí dự thi.
- Trong vòng 05 ngày làm việc trước kỳ thi, thí sinh không được hoàn trả lệ phí dự thi.
- Thí sinh miễn lệ phí dự thi, không được rút hồ sơ.

## **7. Thông tin về kỳ thi**

Thí sinh xem địa điểm thi, danh sách phòng thi, số báo danh và lịch thi tại Website <http://vstep.vn> trong vòng 5 ngày trước ngày thi.

**\*Lưu ý:** Khi đi thi, thí sinh phải mang giấy tờ tùy thân (bản gốc) còn hiệu lực. Thí sinh không được mang vào khu vực thi: điện thoại di động, các phương tiện thu phát sóng, các vật dụng thiết bị khác, kể cả đồng hồ đeo tay... Thí sinh đến muộn sau thời điểm tính giờ làm bài sẽ không được dự thi.

## **8. Định dạng bài thi:**

- Định dạng bài thi ĐGNL tiếng Anh từ bậc 3 đến bậc 5 (*Phụ lục 2*)
- Định dạng bài thi ĐGNL Ngoại ngữ (*Phụ lục 3*).

## **9. Kết quả thi**

- Thông báo tại Website <http://vstep.vn> sau 10 ngày làm việc (khoảng 2 tuần) kể từ ngày thi.
- Trung tâm Khảo thí gửi kết quả thi đến phòng Đào tạo, Khoa Sau đại học, Khoa Tiếng Anh Trường ĐHNN và các đơn vị đào tạo có sinh viên, học viên tham gia kì thi ĐGNLNN để thông báo cho sinh viên, học viên (Trung tâm không xác nhận điểm).

## **10. Phúc khảo bài thi**

- Sau khi công bố kết quả thi trên Website, trong thời hạn 03 ngày làm việc thí sinh có nhu cầu phúc khảo phải gửi đơn đề nghị phúc khảo bài thi và nộp phí 100.000 VNĐ/1 kỹ năng đến Trung tâm Khảo thí- Phòng 106- Nhà A4 Trường ĐHNN.
- Kết quả phúc khảo được công bố chậm nhất sau 10 ngày làm việc (khoảng 2 tuần), kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ phúc khảo.

## **11. Chứng chỉ ngoại ngữ/Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ**

- Kết quả thi ĐGNL tiếng Anh được cấp Chứng chỉ ngoại ngữ (CC), còn các thứ tiếng khác tiếng Anh được cấp Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ (GCN) do Hiệu trưởng Trường ĐHNN ký.
- Sau khi công bố kết quả thi trên Website, trong thời hạn 03 ngày làm việc, thí sinh phải đăng ký và nộp lệ phí cấp CC/ GCN 100.000VNĐ tại Trung tâm Khảo thí- Phòng 106- Nhà A4 Trường ĐHNN.

**\* Ghi chú:** CC/GCN được cấp cho sinh viên, học viên dự thi đạt từ bậc 3 trở lên. Sau thời hạn trên, học viên không đăng ký nhận CC/GCN, được coi như không có nhu cầu, đồng

thời không được đăng ký cấp CC/GCN vào bất cứ thời gian nào khác. Nhà trường không xác nhận điểm thi sau thời điểm cấp CC/GCN. Nhà trường chỉ cấp CC/GCN một lần duy nhất.

- Sinh viên nhận CC/GCN sau 10 ngày làm việc (khoảng 2 tuần) kể từ ngày hết hạn thu lệ phí cấp CC/GCN.

## **12. Lịch phát Chứng chỉ ngoại ngữ/Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ**

- Thứ 3 và Thứ 5 hàng tuần trong giờ hành chính trong vòng 02 tháng sau khi có CC/GCN. Thí sinh xuất trình giấy tờ tùy thân (chứng minh thư ND/thẻ CCCD/ hộ chiếu) khi nhận CC/GCN.

- Địa điểm: tại Trung tâm Khảo thí - Phòng 106- Nhà A4 - Trường ĐHNN-ĐHQGHN.

Thông báo này thay thế cho Thông báo số 486/TB-ĐHNN ngày 12/4/2022 về lịch thi ĐGNLNN đối với sinh viên và học viên sau đại học trong ĐHQGHN từ ngày 01/5/2022 đến ngày 30/4/2023.

Trân trọng thông báo./.

### **Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các đơn vị ĐT trong ĐHQGHN;
- Phòng KHTC, Phòng ĐT;
- Khoa SĐH, Khoa TA;
- Lưu: HCTH, KT, HY20.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Đỗ Tuấn Minh**

Mã hồ sơ:

Số hồ sơ:

Phụ lục 1: Mẫu Phiếu đăng ký dự thi  
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 4 x 6 cm  
Kiểu CMTND  
được chụp không quá  
6 tháng trước ngày  
đăng ký thi

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 202.....

**PHIẾU ĐĂNG KÍ DỰ THI**  
**ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**  
Kỳ thi ngày ...../...../202...

Họ và tên: ..... Giới tính:  Nam  Nữ; Dân tộc: .....

Ngày sinh (ngày/tháng/năm): ..... Nơi sinh (tỉnh/TP): .....

Số CMND/TCC/HC: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Mã số học viên/sinh viên: ..... Lớp: ..... Ngành: .....

Chương trình đào tạo: ..... Đơn vị (Trường/Khoa): .....

Đơn vị công tác: .....

Email: ..... Điện thoại: .....

**Đối tượng:**  SV của Trường ĐHNN-ĐHQGHN  Sinh viên của ĐHQGHN  
 Học viên SĐH của ĐHNN-ĐHQGHN  Học viên SĐH của ĐHQGHN  
 Tự do (không thuộc các đối tượng trên)

**Ngoại ngữ:**  ANH  NGA  PHÁP  TRUNG  ĐỨC\*  
 NHẬT\*  HÀN\*  Ả RẬP\*  THÁI\*  LÀO\*

\* Tiếng Đức, Nhật, Hàn, Ả Rập, Thái, Lào: chỉ dành cho sinh viên chính quy trong ĐHQGHN

**Trình độ:**  Bậc 2  Bậc 3  Bậc 4  Bậc 5  Bậc 6

*Tôi xác nhận đã đọc thông tin về kỳ thi và cam đoan thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Hội đồng thi. Kết quả thi của tôi có thể được sử dụng vào mục đích nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng đánh giá năng lực ngoại ngữ*

**XÁC NHẬN ĐÃ NỘP HỒ SƠ VÀ LỆ PHÍ DỰ THI**

**THÍ SINH DỰ THI**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**XÁC NHẬN ĐÃ NỘP HỒ SƠ VÀ LỆ PHÍ ĐĂNG KÍ DỰ THI NGÀY.../.../202..**

Họ và tên: ..... Giới tính:  Nam  Nữ

Ngày sinh: ..... Số CMND: .....

Lệ phí thi: ..... Số hồ sơ: .....

*Tôi xác nhận đã đọc thông tin về kỳ thi và cam đoan thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Hội đồng thi. Kết quả thi của tôi có thể được sử dụng vào mục đích nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng đánh giá năng lực ngoại ngữ.*

- Thí sinh xem thông báo về kỳ thi tại Website: <http://vstep.vn> trong vòng 05 ngày trước ngày thi.

- Lịch phổ biến quy chế thi và định dạng bài thi cho thí sinh trực tuyến trên nền tảng Zoom: .....h..... ngày ... tháng .... năm 202... (Trường ĐHNN thông báo tài khoản và mật khẩu trước 01 ngày tại Website: <http://vstep.vn> )

- Trước khi vào phòng thi, thí sinh xuất trình giấy tờ tùy thân còn hiệu lực; không được mang tài liệu, thiết bị, dụng cụ khác, kể cả đồng hồ đeo tay. Hội đồng thi không chịu trách nhiệm về tư trang của thí sinh. Thí sinh đến muộn sau thời điểm tính giờ làm bài sẽ không được dự thi.

- Sau khi công bố kết quả thi trên Website, sinh viên và học viên trong ĐHQGHN (trừ TS nộp lệ phí thi 1.800.000 đ) cần đăng ký và nộp phí cấp chứng chỉ/giấy chứng nhận trong vòng 03 ngày làm việc (sau thời hạn trên, TS không được đăng ký cấp CC/GCN vào bất cứ thời gian nào) tại P.106, Nhà A4, Trường ĐHNN.

**Phụ lục 2: Định dạng đề thi VSTEP.3-5**

<b>Bài thi</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi</b>	<b>Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi</b>	<b>Mục đích</b>
Nghe hiểu	Khoảng 40 phút, bao gồm thời gian chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời.	3 phần, 35 câu hỏi đa lựa chọn (MCQ)	Học viên nghe các đoạn trao đổi ngắn, hướng dẫn, thông báo, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, bài giảng, sau đó trả lời câu hỏi đa lựa chọn (MCQ) đã in sẵn trong đề thi.	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Nghe khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu ý kiến, mục đích của người nói và suy ra từ thông tin trong bài.
Đọc hiểu	60 phút, bao gồm thời gian chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời.	4 bài đọc, 40 câu hỏi đa lựa chọn	Học viên đọc 4 văn bản về các vấn đề khác nhau, độ khó của văn bản tương đương bậc 3-5 với tổng số từ dao động từ 1900-2050 từ. Học viên trả lời các câu hỏi đa lựa chọn sau mỗi bài đọc.	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Đọc khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: đọc hiểu thông tin chi tiết, đọc hiểu ý chính, đọc hiểu ý kiến, thái độ của tác giả, suy ra từ thông tin trong bài và đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.
Viết	60 phút	2 bài viết	Bài 1: Viết một bức thư/ thư điện tử có độ dài khoảng 120 từ Bài 1 chiếm 1/3 tổng số điểm của bài thi Viết. Bài 2: Học viên viết một bài luận khoảng 250 từ về một chủ đề cho sẵn, sử dụng kiến thức và trải nghiệm của mình để minh họa cho các lập luận. Bài 2 chiếm 2/3 tổng số điểm của bài thi Viết.	Kiểm tra kỹ năng Viết tương tác và Viết sản sinh.
Nói	12 phút	3 phần: Tương tác xã hội Thảo luận giải pháp Phát triển chủ đề	Phần 1: Tương tác xã hội Học viên trả lời 3-6 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau. Phần 2: Thảo luận giải pháp Học viên được cung cấp một tình huống và 3 giải pháp đề xuất. Học viên phải đưa ra ý kiến về giải pháp tốt nhất trong 3 giải pháp được đưa ra và phản biện các giải pháp còn lại. Phần 3: Phát triển chủ đề Học viên nói về một chủ đề cho sẵn, có thể sử dụng các ý được cung cấp sẵn hoặc tự phát triển ý của riêng mình. Phần 3 kết thúc với một số câu hỏi thảo luận về chủ đề trên.	Kiểm tra các kỹ năng Nói khác nhau: tương tác, thảo luận và trình bày một vấn đề.

**Bảng điểm quy đổi của VSTEP.3-5**

<b>Điểm TB</b>	<b>Bậc năng lực</b>	<b>Mô tả tổng quát</b>
<b>0 – 3,5</b>	<b>Không xét</b>	Không có mô tả
<b>4,0 – 5,5</b>	<b>3</b>	Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hay gặp trong công việc, học tập, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra lúc đi lại tại khu vực có sử dụng ngôn ngữ. Có thể viết văn bản đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những trải nghiệm, sự kiện, mơ ước, hi vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.
<b>6,0 – 8,0</b>	<b>4</b>	Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên đạt đến mức các giao tiếp thường xuyên này với người bản ngữ không gây khó khăn cho cả hai bên. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết về nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề có tính thời sự, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.
<b>8,5 - 10</b>	<b>5</b>	Có thể hiểu nhiều loại văn bản khó, dài, và nhận biết được hàm ý. Có thể diễn đạt lưu loát, tức thì, và không thể hiện rõ rệt việc phải tìm từ ngữ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện khả năng sử dụng có kiểm soát các kiểu tổ chức văn bản, sử dụng tốt các liên từ, và các phương tiện liên kết.

**Phụ lục 3:**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 560 /QĐ-ĐHNN

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Định dạng đề thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ  
từ bậc 2 đến bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam  
đối với tiếng Nga/Trung/Pháp/Đức/Nhật/Hàn/Á Rập/Thái/Lào**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

*Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 2755/QĐ-ĐHNN ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ-Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;*

*Căn cứ Công văn số 4116/ĐHQGHN-ĐT ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Đại học Quốc gia Hà Nội hướng dẫn tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ trong tổ chức đào tạo trình độ đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội;*

*Căn cứ tình hình thực tế;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Định dạng đề thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ từ bậc 2 đến bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đối với tiếng Nga/Trung/Pháp/Đức/Nhật/Hàn/Á Rập/Thái/Lào, gồm: cấu trúc đề thi, miêu tả đề thi và cách tính điểm thi.

**Điều 2.** Định dạng đề thi này được dùng trong các kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ do Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2022. Bãi bỏ Quyết định số 1315/QĐ-ĐHNN ngày 05/7/2018 của Trường ĐHNN-ĐHQGHN về việc ban hành Định dạng đề thi xác định chuẩn đầu ra Ngoại ngữ 1 đối với các thứ tiếng khác tiếng Anh cho sinh viên Trường ĐHNN-ĐHQGHN, Quyết định số 1680/QĐ-ĐHNN ngày 29/7/2019 về việc ban hành định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và Phụ lục 5 của Thông báo số 1667/TB-ĐHNN ngày 15/12/2021 về lịch thi đánh giá năng lực ngoại ngữ năm 2022.

**Điều 4.** Trưởng Phòng Hành chính-Tổng hợp, Trưởng Phòng Kế hoạch-Tài chính, Giám đốc Trung tâm Khảo thí, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban giám hiệu (để bc)
- Lưu: HCTH, TTKT, Thoa5.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Đỗ Tuấn Minh**





**ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ  
TỪ BẬC 2 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM  
ĐỐI VỚI TIẾNG ANH/TRUNG/PHÁP/ĐỨC/NHẬT/HÀN/Ả RẬP/THÁI/LÀO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 560 /QĐ-ĐHNN ngày 22 tháng 2 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường ĐHNN-ĐHQGHN)*

**I. CẤU TRÚC ĐỀ THI**

**1. Kỹ năng Nghe**

- Thời gian: khoảng 25 phút (bao gồm cả thời gian nghe khoảng 20 phút và 05 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời)
- Số lượng: 15-20 câu hỏi trắc nghiệm
- Yêu cầu: Thí sinh nghe 01 lần các đoạn độc thoại/hội thoại và trả lời các câu hỏi liên quan.
- Kiến thức/Kỹ năng đánh giá: Khả năng nghe hiểu thông tin chính, thông tin chi tiết; Khả năng hiểu mục đích giao tiếp, quan điểm và mối liên hệ giữa những người tham gia đối thoại; Khả năng xác định chủ đề, nơi chốn, tình huống giao tiếp; Kỹ năng nghe hiểu quan điểm, thái độ của người tham gia hội thoại; Kỹ năng nghe hiểu lập luận của người nói, ...

**2. Kỹ năng Đọc hiểu - Từ vựng – Ngữ pháp**

- Thời gian: 50 phút (bao gồm thời gian chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời)
- Số lượng: 30 câu hỏi trắc nghiệm
- Yêu cầu:
  - Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm ngắn về từ vựng – ngữ pháp
  - Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm liên quan tới văn bản.
- Kỹ năng/kiến thức đánh giá: Kiến thức về cấu trúc ngữ pháp, về từ vựng; kỹ năng đọc hiểu các thông tin chính, thông tin chi tiết trong văn bản; kỹ năng xác định và thái độ, quan điểm của tác giả trong văn bản; kỹ năng đọc hiểu hàm ngôn và dẫn chiếu từ văn bản; ...

**3. Kỹ năng Viết**

- Thời gian: 50 phút
- Số lượng: 2 phần thi
- Yêu cầu:
  - Phần 1: Kiểm tra kỹ năng viết lại câu/kết hợp câu/sắp xếp trật tự từ thành câu hoàn chỉnh/sử dụng từ/cụm từ cho sẵn để viết thành câu hoàn chỉnh.
  - Phần 2: Kiểm tra kỹ năng viết một bài luận về một chủ đề cho trước.
- Kỹ năng/kiến thức đánh giá: Khả năng viết lại câu; khả năng kết hợp câu sao cho nghĩa không thay đổi; khả năng sắp xếp trật tự từ thành câu hoàn chỉnh; sử dụng từ/cụm từ cho sẵn để viết thành câu hoàn chỉnh; khả năng sử dụng cấu trúc, từ vựng; khả năng trình bày quan điểm, trình bày ý kiến; kỹ năng tranh luận, chứng minh lập luận bằng dẫn chứng,...

**4. Kỹ năng Nói**

- Thời gian: 10 phút/thí sinh
- Số lượng: 3 phần thi
- Kiến thức/Kỹ năng kiểm tra: Khả năng giao tiếp xã hội; khả năng trình bày ý kiến, quan điểm; kỹ năng tổng hợp thông tin; kỹ năng diễn giải, tranh biện; khả năng chứng minh lập luận bằng

dẫn chứng; khả năng kết nối thông tin; khả năng sử dụng cấu trúc, từ vựng; khả năng phát âm và sử dụng ngữ điệu trong trình bày.



## II. MIÊU TẢ ĐỀ THI

### 1. Đối với tiếng Nga/Pháp/Đức/Hàn/Thái/Ả Rập/Lào

Kỹ năng	Dạng bài	Số câu hỏi
<b>NGHE</b> - 15 câu - Nghe 1 lần - 3 phần - ~ 25 phút	<b>Phần 1:</b> Thí sinh nghe các hội thoại/độc thoại ngắn và chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời câu hỏi.	5
	<b>Phần 2:</b> Thí sinh nghe 01 độc thoại/hội thoại và chọn phương án đúng nhất Đúng hoặc Sai để trả lời câu hỏi.	4
	<b>Phần 3:</b> Thí sinh nghe 02 độc thoại/hội thoại và chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời câu hỏi. Mỗi độc thoại/hội thoại có 3 câu hỏi.	6
<b>ĐỌC-TV-NP</b> - 30 câu - 50 phút	<b>Phần 1:</b> Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D chứa từ/cụm từ gần nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân trong câu.	3
	<b>Phần 2:</b> Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D chứa từ/cụm từ trái nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân trong câu.	3
	<b>Phần 3:</b> Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D chứa thành phần có lỗi sai trong câu.	3
	<b>Phần 4:</b> Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành câu.	8
	<b>Phần 5:</b> Thí sinh đọc 01 bài đọc với 8 chỗ trống. Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành chỗ trống trong bài đọc.	8
	<b>Phần 6:</b> Thí sinh đọc 01 bài đọc với 5 câu hỏi. Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời các câu hỏi.	5
<b>VIẾT</b> - 2 phần - 50 phút	<b>Phần 1:</b> Thí sinh sử dụng từ cho sẵn để viết lại câu sao cho nghĩa của câu gốc không thay đổi.	5
	<b>Phần 2:</b> Thí sinh viết một bài luận khoảng 250 từ/ 500 chữ (tiếng Hàn) về một chủ đề cho trước.	1
<b>NÓI</b> - 3 phần - 10 phút	<b>Phần 1 (2-3 phút):</b> Giao tiếp xã hội Thí sinh trả lời các câu hỏi về cá nhân, công việc, cuộc sống hàng ngày.	3-5
	<b>Phần 2 (2-3 phút):</b> Trình bày miêu tả Thí sinh được đưa 01 chủ đề và các gợi ý cho sẵn. Thí sinh trình bày miêu tả dựa trên các gợi ý cho sẵn.	01
	<b>Phần 3 (4-5 phút):</b> Trả lời chủ đề Thí sinh trình bày về một chủ đề cho trước. Thí sinh có 01 phút để chuẩn bị và 03 phút trình bày và trả lời 2 câu hỏi sau khi trình bày.	01

### 2. Đối với tiếng Trung

Kỹ năng	Dạng bài	Số câu hỏi
<b>NGHE</b> - 20 câu - Nghe 1 lần - 3 phần - ~ 25 phút	<b>Phần 1:</b> Thí sinh nghe các hội thoại/độc thoại ngắn và chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời câu hỏi.	10
	<b>Phần 2:</b> Thí sinh nghe 01 độc thoại/hội thoại và chọn phương án đúng nhất Đúng hoặc Sai để trả lời câu hỏi.	4
	<b>Phần 3:</b> Thí sinh nghe 02 độc thoại/hội thoại và chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời câu hỏi. Mỗi độc thoại/hội thoại có 3 câu hỏi.	6

Kỹ năng	Dạng bài	Số câu hỏi
<b>ĐỌC-TV-NP</b> - 30 câu - 50 phút	<b>Phần 1:</b> Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D chứa từ/cụm từ gần nghĩa/trái nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân trong câu.	6
	<b>Phần 2:</b> Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D chứa thành phần có lỗi sai trong câu.	3
	<b>Phần 3:</b> Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành câu.	8
	<b>Phần 4:</b> Thí sinh đọc 01 bài đọc với 8 chỗ trống. Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành chỗ trống trong bài đọc.	8
	<b>Phần 5:</b> Thí sinh đọc 01 bài đọc với 5 câu hỏi. Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời các câu hỏi.	5
<b>VIẾT</b> - 2 phần - 50 phút	<b>Phần 1:</b> Thí sinh sử dụng các từ cho sẵn sắp xếp thành câu hoàn chỉnh.	10
	<b>Phần 2:</b> Thí sinh viết một bài luận khoảng 500 ký tự về một chủ đề cho trước.	1
<b>NÓI</b> - 3 phần - 10 phút	<b>Phần 1 (2-3 phút):</b> Giao tiếp xã hội Thí sinh trả lời các câu hỏi về cá nhân, công việc, cuộc sống hàng ngày.	3-5
	<b>Phần 2 (2-3 phút):</b> Trình bày miêu tả Thí sinh được đưa 01 chủ đề và các gợi ý cho sẵn. Thí sinh trình bày miêu tả dựa trên các gợi ý cho sẵn.	01
	<b>Phần 3 (4-5 phút):</b> Trả lời chủ đề Thí sinh trình bày về một chủ đề cho trước. Thí sinh có 01 phút để chuẩn bị và 03 phút trình bày và trả lời 2 câu hỏi sau khi trình bày.	01



### 3. Đối với tiếng Nhật

Kỹ năng	Dạng bài	Số câu hỏi
<b>NGHE</b> - 15 câu - Nghe 1 lần - 3 phần - ~ 25 phút	<b>Phần 1:</b> Thí sinh nghe các hội thoại/độc thoại ngắn và chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời câu hỏi.	5
	<b>Phần 2:</b> Thí sinh nghe 01 độc thoại/hội thoại và chọn phương án đúng nhất Đúng hoặc Sai để trả lời câu hỏi.	4
	<b>Phần 3:</b> Thí sinh nghe 02 độc thoại/hội thoại và chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời câu hỏi. Mỗi độc thoại/hội thoại có 3 câu hỏi.	6
<b>ĐỌC-TV-NP</b> - 30 câu - 50 phút	<b>Phần 1:</b> Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D phù hợp với cách đọc của phần chữ Hán được gạch chân trong câu.	3
	<b>Phần 2:</b> Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D là cách viết của phần được gạch chân trong câu.	3
	<b>Phần 3:</b> Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D chứa thành phần có lỗi sai trong câu.	3
	<b>Phần 4:</b> Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành câu.	8
	<b>Phần 5:</b> Thí sinh đọc 01 bài đọc với 8 chỗ trống. Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành chỗ trống trong bài đọc.	8
	<b>Phần 6:</b> Thí sinh đọc 01 bài đọc với 5 câu hỏi. Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời các câu hỏi.	5
<b>VIẾT</b> - 2 phần - 50 phút	<b>Phần 1:</b> Thí sinh sử dụng các từ cho sẵn sắp xếp thành câu hoàn chỉnh.	5
	<b>Phần 2:</b> Thí sinh viết một bài luận khoảng 500 ký tự về một chủ đề cho trước.	1



Kỹ năng	Dạng bài	Số câu hỏi
	đề cho trước.	
<b>NÓI</b> - 3 phần - 10 phút	<b>Phần 1 (2-3 phút):</b> Giao tiếp xã hội Thí sinh trả lời các câu hỏi về cá nhân, công việc, cuộc sống hàng ngày.	3-5
	<b>Phần 2 (2-3 phút):</b> Trình bày miêu tả Thí sinh được đưa 01 chủ đề và các gợi ý cho sẵn. Thí sinh trình bày miêu tả dựa trên các gợi ý cho sẵn.	01
	<b>Phần 3 (4-5 phút):</b> Trả lời chủ đề Thí sinh trình bày về một chủ đề cho trước. Thí sinh có 01 phút để chuẩn bị và 03 phút trình bày và trả lời 2 câu hỏi sau khi trình bày.	01

### III. CÁCH TÍNH ĐIỂM THI

- Điểm kỹ năng Nghe, Đọc hiểu - Từ vựng - Ngữ pháp, Viết, Nói và điểm kết luận được tính trên thang điểm 10, điểm lẻ đến 0,5.

#### 1. Cách tính điểm kỹ năng Nghe

Điểm thi = (Số câu trả lời đúng : tổng số câu) x 10

#### 2. Cách tính điểm kỹ năng Đọc hiểu - Từ Vựng - Ngữ Pháp

Điểm thi = (Số câu trả lời đúng : 30) x 10

#### 3. Cách tính điểm kỹ năng Viết

- Phần 1: 3 điểm
- Phần 2: 7 điểm

#### 4. Cách tính điểm kỹ năng Nói

- Chấm theo 5 tiêu chí: Ngữ pháp, Từ Vựng, Ngữ âm, Độ lưu loát, Nội dung
- Mỗi tiêu chí chấm trên thang điểm 10.
- Điểm thi = (Ngữ pháp + Từ Vựng + Ngữ âm + Độ lưu loát + Nội dung) : 5

#### 5. Điểm kết luận của bài thi

Điểm kết luận = (Nghe + Đọc hiểu - Từ vựng - Ngữ pháp + Viết + Nói) : 4

ĐIỂM KẾT LUẬN BÀI THI	BẬC NĂNG LỰC	TRÌNH ĐỘ
< 3.0	Không đánh giá	Không đánh giá
3.0	2	A2
4.0	3	B1
5.0	4	B2
6.5	5	C1